

第17届世界象棋锦标赛

首届世界象棋快棋公开赛 第7轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
1	9	中国香港 HKG	冯家俊 FUNG TONY GA ZEN	11	:	11	赖理兄 LAI LY HUYNH	越南 VIE	48
2	24	马来西亚 MAS	沈毅豪 SIM YIP HOW	10	:	10	葛振衣 GE, JEN-YI	中华台北 TPE	10
3	39	中国香港 HKG	郑彦隆 CHENG YIN LUNG	10	:	10	赵奕帆 CHAO, YI-YIFAN	中华台北 TPE	50
4	2	新加坡 SGP	吴宗翰 ALVIN WOO TSUNG HAN	8	:	9	李毓志 LEE WEN ZE	马来西亚 MAS	22
5	29	马来西亚 MAS	黎德志 LI DEZHI	9	:	8	左文静 ZUO WENJING	中国 CHN	41
6	8	东马 MAS EAST	邱世铭 CLEMMENT KIU SIE MIN	8	:	8	刘大湘 LIDA LAU DA XIANG	东马 MAS EAST	13
7	25	中国 CHN	王廓 WANG KUO	8	:	8	庄宏明 CHONG HEUNG MING	菲律宾 PHI	7
8	36	马来西亚 MAS	陈志霖 TAN CHEE LIM	8	:	8	吴兰香 NGO LAN HUANG	新加坡 SGP	27
9	52	中国香港 HKG	梁信谦 LEUNG SHUN HIM	8	:	8	阮成保 NGUYEN THANH BAO	越南 VIE	34
10	35	美国 USA	李铭坚 MINGJIAN LI	8	:	8	阮黄燕 NGUYEN HOANG YEN	越南 VIE	62
11	60	越南 VIE	杜孟胜 DO MANH THANG	7	:	7	洪家川 HONG CHIA CHUAN	菲律宾 PHI	16
12	43	越南 VIE	黎氏金鸾 LE THI KIM LOAN	7	:	7	范辉庆 PHAM HUY KHANH	越南 VIE	12
13	1	东马 MAS EAST	洪千惠 VESPERA ANG CHENG WUEY	6	:	6	LE QUANG NHAT	美国 USA	19

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件

第17届世界象棋锦标赛

首届世界象棋快棋公开赛 第7轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
14	21	中华台北 TPE	吕承 LU, CHENG-HSU N	6	:	6	卢政 LU, CHENG-HAO	中华台北 TPE	23
15	28	中国 CHN	陈幸琳 CHEN XINGLIN	6	:	6	邱钰劼 CHIU, YU-KAI	中华台北 TPE	3
16	32	泰国 THA	郭泽辉 TAWEE DANWIRUNH AWANICH	6	:	6	陈茗芳 FIONA TAN MIN FANG	新加坡 SGP	11
17	37	中国 CHN	王天一 WANG TIANYI	6	:	6	武阮琼如 VO NGUYEN QUYNH NHU	越南 VIE	66
18	63	中华台北 TPE	彭柔安 PENG, JOU-AN	6	:	6	佐佐木雄 希 SASAKI YUKI	马来西亚 MAS	38
19	64	新加坡 SGP	刘亿豪 LOW YI HAO	6	:	6	可儿宏晖 KANI HIROAKI	日本 JPN	44
20	65	东马 MAS EAST	叶乃传 YEK NAI TUONG	6	:	5	郑义霖 CALVIN TAY YELIN	东马 MAS EAST	18
21	33	日本 JPN	所司和晴 SHOSHI KAZUHARU	5	:	5	林冠廷 TIMOTHY LIM GUAN TING	马来西亚 MAS	51
22	40	中华台北 TPE	吴定 WU, TING-HSUA N	5	:	5	孙庆康 TIMOTHY SNG QING KANG	东马 MAS EAST	59
23	57	马来西亚 MAS	李雯宜 LEE MUN YEE	5	:	4	黄禔睿 ELLIS WONG TOH RUI	东马 MAS EAST	6
24	5	中华台北 TPE	谢定恒 HSIEN, DING-HENG	4	:	4	詹意 NOREEN CHIENG YI HEE	东马 MAS EAST	46

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件

第17届世界象棋锦标赛

首届世界象棋快棋公开赛 第7轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
25	17	马来西亚 MAS	黄睿阳 WONG RUI YANG	4	:	4	彭思颖 CASEY PHANG SZE YING	东马 MAS EAST	15
26	53	中华台北 TPE	陈净寅 CHEN, JING-YIN	4	:	4	林 萱 LIN, YU-HSUAN	中华台北 TPE	31
27	49	芬兰 FIN	瓦尔豆 VAARA, ARTO	4	:	4	曹有恒 TSAO, YU-HENG	中华台北 TPE	47
28	58	中华台北 TPE	张嘉甯 CHANG, CHIA-NING	3	:	4	冯宝娟 PHUNG BAO QUYEN	越南 VIE	54
29	4	东马 MAS EAST	张视淳 TEO SHI CHUN	2	:	3	简子宸 CHIEN, TZU-CHEN	中华台北 TPE	45
30	26	东马 MAS EAST	黄承安 ANSON WEE CHENG ANN	2	:	2	刘桂华 LAU KUI HWA	汶莱 BRU	30
31	55	东马 MAS EAST	曾颜熙 MARCEL CHEN YAN XI	2	:	0	SAM SLOAN	美国 USA	42

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件